

Bán ra

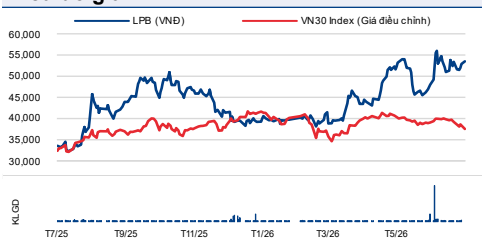
Giá mục tiêu: VNĐ24,900

Tiềm năng tăng/giảm: -53.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/7/2026)	53,500
Mã Bloomberg	LPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,319-56,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	52,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	159,820
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,078
Sig CP lưu hành (tr.đv)	2,987
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	149
Sig CP NN được mua (tr.đv)	121
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	5.00%
Tỷ lệ sở hữu của NN	0.94%
Tỷ lệ freefloat	93.5%
Cổ đông lớn	VNPost (6.54%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	605,584	633,510	767,157
Dư nợ cho vay (ntđ)	391,746	446,591	526,977
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	21,881	23,422	27,479
Lợi nhuận thuần (ntđ)	11,422	11,373	11,455
BVPS (đồng)	15,798	16,605	19,248
EPS (đồng)	3,824	3,807	3,835
DPS (đồng)	2,500	3,000	1,000
T.trưởng cho vay KH (%)	18.1	14.0	18.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	9.78	7.04	17.3
Tăng trưởng EPS (%)	17.5	(0.43)	0.72
Tăng trưởng DPS (%)	nm	20.0	(66.7)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	65.4	78.8	26.1
ROAE (%)	25.2	23.5	21.4
ROAA (%)	2.05	1.84	1.64
Tỷ lệ NIM (%)	2.92	2.96	3.22
Tỷ lệ CIR (%)	28.3	30.1	30.8
Hệ số CAR (%)	11.9	11.4	10.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.68	2.00	1.90
LLR/nợ xấu (%)	73.9	67.6	73.4
Hệ số LDR (%)	116	118	115
P/B (lần)	3.39	3.22	2.78
P/E (lần)	14.0	14.1	14.0
Lợi suất cổ tức (%)	4.67	5.61	1.87

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng Lộc Phát là ngân hàng quy mô vừa, được thành lập vào năm 2008, tập trung cho vay bán lẻ và doanh nghiệp SME.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q2 tăng 5% nhờ thu nhập phí vượt kỳ vọng

- LNTT Q2/2026 tăng 5% so với cùng kỳ và tăng 11% so với quý trước đạt 3,1 nghìn tỷ đồng nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ tăng mạnh bù đắp cho tỷ lệ NIM suy yếu, chi phí hoạt động và chi phí dự phòng tăng mạnh. LNTT 6 tháng đầu năm 2026 đạt 6 nghìn tỷ đồng (giảm 3,1% so với cùng kỳ), hoàn thành 42% dự báo cả năm của chúng tôi.
- Tín dụng tăng 9,6% kể từ đầu năm, mạnh hơn tăng trưởng huy động 7,7%. Tỷ lệ NIM đi ngang so với quý trước ở mức 2,66%, trong khi tỷ lệ nợ xấu duy trì ổn định ở mức 1,85% và hệ số CIR tăng lên 35,2%.
- KQKD nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi, trong đó tiềm năng từ thu nhập phí khác bù đắp cho rủi ro tỷ lệ NIM thu hẹp và chi phí gia tăng. HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026 vào ngày 20/7/2026

LPB đã công bố KQKD Q2/2026 với LNTT tăng nhẹ, nhờ thu nhập phí khác vượt kỳ vọng, trong khi chi phí hoạt động và chi phí dự phòng tiếp tục tăng đúng như dự báo.

LNTT Q2 tăng 5% so với cùng kỳ và tăng 11% so với quý trước

LNTT Q2/2026 đạt 3,1 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ và tăng 11% so với quý trước, nhìn chung sát với dự báo, chủ yếu nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ tăng mạnh 125% so với cùng kỳ và tăng 187% so với quý trước. Cơ cấu thu nhập phí cho thấy phí cốt lõi cải thiện không đáng kể trong khi thu nhập phí khác tăng hơn gấp đôi cả so với cùng kỳ và so với quý trước.

Trong khi đó, thu nhập lãi thuần chỉ tăng nhẹ 4,1% so với cùng kỳ, do tăng trưởng tín dụng bị bù trừ một phần do tỷ lệ NIM thu hẹp. Chi phí hoạt động và chi phí dự phòng tăng lần lượt 46% và 68% so với cùng kỳ, là những yếu tố chính hạn chế tăng trưởng lợi nhuận thuần.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026, LPB

LNTT tăng 5,2% so với cùng kỳ nhờ thu nhập phí khác tăng mạnh

	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	3,736	3,888	4.1%	7,018	7,767	10.7%	42.9%
Thu nhập ngoài lãi	1,177	2,170	84.4%	2,583	3,446	33.4%	64.6%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	852	1,915	124.9%	1,680	2,582	53.7%	89.7%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	69	60	-13.1%	182	457	151.0%	44.3%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	63	20	-68.0%	67	96	42.1%	87.3%
Thu nhập khác	163	158	-3.2%	611	278	-54.5%	23.1%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	17	-45.0%	43	33	-22.4%	28.6%
Tổng thu nhập HĐ	4,913	6,058	23.3%	9,601	11,212	16.8%	47.9%
Chi phí HĐ	1,462	2,134	46.0%	2,776	3,687	32.8%	52.4%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	3,451	3,924	13.7%	6,824	7,525	10.3%	45.9%
Chi phí dự phòng	462	778	68.2%	661	1,552	134.9%	70.9%
LNTT	2,988	3,147	5.3%	6,164	5,973	-3.1%	42.1%
Lợi nhuận thuần	2,396	2,521	5.2%	4,930	4,800	-2.6%	42.2%

Nguồn: LPB, HSC

Tín dụng tăng 9,6% kể từ đầu năm trong khi huy động tăng chậm hơn

Tổng dư nợ tín dụng tăng mạnh 9,6% kể từ đầu năm, sau khi chỉ tăng 3% trong Q1/2026 và gần như sử dụng hết hạn mức được cấp ban đầu khoảng 11%, theo ước tính của chúng tôi. Tăng trưởng tín dụng được dẫn dắt bởi phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn và DNNVV, tăng 21,3% kể từ đầu năm, trong khi phân khúc khách hàng cá nhân giảm 6% kể từ đầu năm. Cơ cấu theo ngành, ngành thương mại, xây dựng và tiện ích đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng.

Huy động tăng chậm hơn tín dụng, tăng 7,7% kể từ đầu năm, trong đó tiền gửi khách hàng tăng 4,7% kể từ đầu năm và giấy tờ có giá tăng 23,2% kể từ đầu năm. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn duy trì ở mức thấp khoảng 6-7%.

Tỷ lệ NIM đi ngang so với quý trước ở mức 2,66%

Tỷ lệ NIM đi ngang so với quý trước ở mức 2,66%, giảm 73 điểm cơ bản kể từ đầu năm và giảm 35 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Cả chi phí huy động và lợi suất tài sản đều tăng mạnh trong quý, khoảng 75-80 điểm cơ bản so với quý trước. Do đó, tỷ lệ NIM chưa phục hồi như giả định.

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh nhờ thu nhập phí

Thu nhập ngoài lãi Q2/2026 tăng 84,4% so với cùng kỳ và tăng 70,1% so với quý trước đạt 2,2 nghìn tỷ đồng. Động lực chính là lãi thuần HĐ dịch vụ, chủ yếu từ phí khác, tăng 124,9% so với cùng kỳ và tăng 187,1% so với quý trước và đóng góp phần lớn vào tăng trưởng thu nhập ngoài lãi trong quý. Chúng tôi cho rằng thu nhập phí khác có thể liên quan đến hoạt động cấp tín dụng.

Phần tăng trưởng này đã bù đắp cho sự sụt giảm từ các khoản thu nhập liên quan đến thị trường, trong đó lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 13,1% so với cùng kỳ và lãi từ kinh doanh trái phiếu giảm 68% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm 2026, thu nhập ngoài lãi tăng 33,4% so với cùng kỳ, hoàn thành 64,6% dự báo của HSC, trong khi thu nhập phí đạt 89,7% dự báo cả năm của chúng tôi.

Chất lượng tài sản vẫn ổn định so với quý trước

Tỷ lệ nợ xấu nhìn chung duy trì ổn định so với quý trước ở mức 1,85%, mặc dù tăng từ 1,68% tại thời điểm cuối năm 2025. Trong khi đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng nhẹ lên 1,24%, từ 1,07% trong Q1/2026 và 1% tại thời điểm đầu năm.

Tuy nhiên, nợ xấu mới hình thành tăng đúng như dự báo, ở mức 0,29% theo quý và 0,91% trượt 12 tháng, từ 0,7% trong năm 2025. Do đó, chi phí dự phòng tăng 68% so với cùng kỳ trong Q2/2026 và tăng 135% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2026, sát với dự báo của chúng tôi. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm nhẹ xuống 67% từ 70% trong quý trước.

Hiệu quả chi phí suy giảm

Chi phí hoạt động tăng 46% so với cùng kỳ và tăng 37,4% so với quý trước trong Q2/2026, nhanh hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động (tăng 23,3% so với cùng kỳ và tăng 17,5% so với quý trước). Theo đó, hệ số CIR mở rộng lên 35,2%, từ 29,8% trong Q2/2025 và 30,1% trong Q1/2026. Hệ số CIR 6 tháng đầu năm 2026 tăng lên 32,9%, từ 28,9% trong 6 tháng đầu năm 2025.

Động lực tăng chính của chi phí hoạt động là chi phí nhân viên, tăng gần 60% so với cùng kỳ trong Q2/2026 và tăng 38% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2026. Mặc dù số lượng nhân viên giảm trong Q2/2026, tiền lương bình quân tăng mạnh và hiện đã tương đương bình quân ngành ở mức khoảng 45 triệu đồng/tháng. Theo đó chi phí hoạt động tăng nhanh hơn so với dự báo của chúng tôi.

HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và giá mục tiêu

Lợi nhuận thuần nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi do thu nhập phí khác vượt kỳ vọng bù đắp cho tỷ lệ NIM thấp và chi phí hoạt động tăng mạnh. HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	34,137	39,292	45,903	53,963	62,843
Chi phí lãi	(18,743)	(23,257)	(27,819)	(31,744)	(35,223)
Thu nhập lãi thuần	15,394	16,034	18,085	22,219	27,620
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3,211	3,199	2,880	2,726	2,757
Lãi thuần HĐ KDNH	273	348	1,030	1,217	1,436
Lãi/lỗ từ mua bán CK	41.6	138	110	67.8	83.0
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	75.0	112	116	116	116
Thu nhập khác	938	2,051	1,202	1,134	1,598
Tổng thu nhập HĐ	19,932	21,881	23,422	27,479	33,610
Chi phí HĐ	(5,810)	(6,190)	(7,038)	(8,458)	(10,153)
LN trước dự phòng	14,122	15,691	16,383	19,021	23,457
Chi phí dự phòng	(1,954)	(1,422)	(2,189)	(4,702)	(6,264)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	12,168	14,269	14,194	14,319	17,193
Chi phí thuế TNDN	(2,447)	(2,847)	(2,821)	(2,864)	(3,439)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	9,721	11,422	11,373	11,455	13,755
EPS (đồng)	3,254	3,824	3,807	3,835	4,604
DPS (đồng)	0	2,500	3,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,162	1,085	2,233	2,689	3,239
Tiền gửi tại NHNN	14,370	35,404	6,699	16,132	19,432
Tiền gửi tại các TCTD khác	96,455	116,332	110,244	137,316	160,431
Chứng khoán kinh doanh	660	631	609	759	913
Các công cụ tài chính phái sinh	9.14	231	0	0	0
Số dư cho vay thuần	327,276	386,867	440,554	519,623	613,359
Tổng dư nợ cho vay	331,606	391,746	446,591	526,977	621,833
Dự phòng rủi ro	(4,330)	(4,879)	(6,037)	(7,354)	(8,475)
Chứng khoán đầu tư	58,080	52,768	60,313	75,156	90,403
CK đầu tư sẵn sàng để bán	58,080	52,768	60,313	75,156	90,403
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	549	999	300	300	300
Tài sản cố định	2,732	3,260	3,601	4,101	4,601
Tài sản khác	7,037	8,007	8,957	11,081	12,961
Tổng tài sản	508,330	605,584	633,510	767,157	905,639
Nợ phải trả	464,992	558,392	583,906	709,657	838,060
Tiền gửi của NHNN	1,271	17,704	13,970	572	572
Tiền gửi của các TCTD khác	115,349	127,848	111,648	158,093	174,113
Tổng tiền gửi KH	283,172	337,583	379,602	457,072	550,582
Trái phiếu và CCTG	55,459	64,097	66,989	80,660	97,161
Nợ khác	9,741	11,160	11,611	13,174	15,546
Vốn chủ sở hữu	43,338	47,192	49,604	57,499	67,579
Vốn điều lệ	25,576	29,873	29,873	29,873	29,873
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	12,122	9,509	9,646	15,266	23,055
Quỹ & vốn khác của CSH	5,640	7,810	10,085	12,360	14,651
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	508,330	605,585	633,510	767,157	905,639
BVPS (đồng)	14,508	15,798	16,605	19,248	22,622

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	32.8	19.1	4.61	21.1	18.1
Tăng trưởng cho vay KH (%)	20.4	18.1	14.0	18.0	18.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	19.3	19.2	12.4	20.4	20.5
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	18.7	18.6	11.2	20.4	20.5
Tăng trưởng VCSH (%)	27.0	8.89	5.11	15.9	17.5
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	37.4	4.16	12.8	22.9	24.3
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	0.88	6.53	13.7	20.2	20.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	43.1	11.1	4.41	16.1	23.3
Tăng trưởng LNTT (%)	72.9	17.3	(0.52)	0.88	20.1
Tăng trưởng LN thuần (%)	74.5	17.5	(0.43)	0.72	20.1
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.47	3.93	3.78	3.92	4.02
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.30)	(1.11)	(1.14)	(1.21)	(1.21)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	98.0	98.5	98.5	98.5	98.5
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.78	2.28	2.32	2.48	2.76
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	9.02	10.8	10.8	11.4	14.4
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	16.4	14.0	14.1	14.0	11.6
P/B (lần)	3.69	3.39	3.22	2.78	2.36
Lợi suất cổ tức (%)	0	4.67	5.61	1.87	1.87

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	48.8	52.2	48.6	41.7	40.9
ROAA (%)	2.18	2.05	1.84	1.64	1.64
ROAE (%)	25.1	25.2	23.5	21.4	22.0
Chi phí huy động BQ (%)	4.74	4.64	4.97	5.00	4.64
Lợi suất góp BQ (%)	7.82	7.16	7.52	7.82	7.63
Lợi suất thuần (%)	3.08	2.52	2.55	2.82	2.99
Tỷ lệ NIM (%)	3.53	2.92	2.96	3.22	3.35
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	16.1	14.6	12.3	9.92	8.20
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.2	73.3	77.2	80.9	82.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	6.66	12.1	10.5	9.22	9.62
Tỷ lệ CIR (%)	29.2	28.3	30.1	30.8	30.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	65.4	78.8	26.1	21.7
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	13.3	11.9	11.4	10.8	10.6
VCSH/Tổng TS (%)	8.53	7.79	7.83	7.50	7.46
Đòn bẩy vốn (lần)	11.7	12.8	12.8	13.3	13.4
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.57	1.68	2.00	1.90	1.80
Hệ số LLR (%)	83.3	73.9	67.6	73.4	75.7
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	116	118	115	113
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	25.4	24.1	20.0	22.7	21.2
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	65.2	64.7	70.5	68.7	68.7
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,078	1,053	1,053	1,003	953
Số lượng nhân viên	11,189	9,597	10,077	11,085	12,194

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn